

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 790/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Trần Thị Nga**
- Ông **Vũ Huy Hoàng**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hồng Phước** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 577/2024/TLST-DS ngày 02/7/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 828/2024/QĐXXST-DS ngày 14/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 699/2024/QĐST-DS ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên MA (Việt Nam).

Địa chỉ: 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **JIN S.** Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **KO SUNG J.** Chức vụ: Giám đốc kinh doanh (theo Giấy ủy quyền số 896/2023/QĐ-MAFC ngày 29/12/2023)

Ủy quyền lại cho:

1/ Ông **Trần La Ngọc H.** Chức vụ: Trưởng phòng Tổ tụng (theo Giấy ủy quyền số 92/2024/GUQ-MAFC ngày 10/01/2024).

2/ Công ty Luật TNHH Một Thành Viên TNT. Địa chỉ: Phòng B, Tầng 4, Tòa nhà số B Trần Xuân S, phường TH, Quận B, Thành phố H (theo giấy ủy quyền số: 04/2024/GUQ-MAFC ngày 01/01/2024).

Công ty Luật TNHH Một Thành Viên TNT ủy quyền lại cho: Bà **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Phòng B, Tầng 4, Tòa nhà số B Trần Xuân S, phường

TH, Quận B, Thành phố H (theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2024) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thanh E**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: C/B ấp B, xã TK, huyện B, Thành phố H – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải - nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên MA có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 16/3/2023, Công ty tài chính TNHH một thành viên MA (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 4418829 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thanh E với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng, lãi suất 58%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong HĐTD cho bà Nguyễn Thị Thanh E, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Thị Thanh E. Theo HĐTD, bà Nguyễn Thị Thanh E có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 2.770.267 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/3/2025 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Nguyễn Thị Thanh E chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 04 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 12.922.000 đồng. Ngày 16/7/2023 đến nay bà Nguyễn Thị Thanh E không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh E thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Thanh E biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thanh E vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Nguyễn Thị Thanh E vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bà Nguyễn Thị Thanh E thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 63.136.103 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 34.796.198 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 17.844.407 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 9.330.436 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 1.165.062 đồng.

Diễn giải công thức tính lãi:

- Số tiền lãi trong hạn: *Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ*
- Số tiền lãi quá hạn: *150% x Lãi suất x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày*

quá hạn : 365 ngày.

- Số tiền lãi chậm trả: $10\% \times \text{Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn} : 365$ ngày.

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh E phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2024 và biên bản hòa giải ngày 14/8/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E trình bày:

Bà E có ký với Công ty tài chính TNHH một thành viên MA (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng tín dụng số 4418829 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thanh E với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng, lãi suất 58%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà E, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà E. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Thanh E có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 2.770.267 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/3/2025 cho Công ty. Sau khi giải ngân bà E thanh toán trả góp cho Công ty được 04 kỳ với tổng số tiền là 12.922.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà E ngưng góp cho Công ty từ đó đến nay.

Hiện Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên MA yêu cầu bà E trả nợ gốc và lãi số tiền là 59.233.750 đồng thì bà E đồng ý thanh toán số nợ gốc còn lại chưa thanh toán cho công ty là: 34.796.198 đồng, xin được miễn phần lãi suất. Tuy nhiên, do bà E hiện nay không có khả năng trả nợ nên bà E đề nghị nguyên đơn xem xét cho bà thêm thời gian đến tháng 12/2024 thì bà E mới có khả năng thanh toán trước số nợ gốc 15.000.000 đồng, còn số tiền gốc còn lại bà E xin được trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 1.000.000 (Một triệu) đồng

Ngoài ra, với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà E thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho công ty chia thành 03 đợt trong vòng 3 tháng (tháng 8/2024, tháng 09/2024, tháng 10/2024) thì công ty sẽ miễn toàn bộ phần lãi suất thì bà E không đồng ý vì hiện nay bà không có khả năng chi trả. Nếu công ty đồng ý thì bà yêu cầu được thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho công ty chia thành 03 đợt trong vòng 3 tháng (tháng 10/2024, tháng 11/2024, tháng 12/2024).

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn gốc là 34.796.198 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 17.844.407 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 9.330.436 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.165.062 đồng. Ngoài ra, công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà E phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty tài chính TNHH một thành viên MA khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E, do bà E có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:
Nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên MA yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 27/09/2024 là: 63.136.103 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 34.796.198 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 17.844.407 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 9.330.436 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.165.062 đồng. Ngoài ra, công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà E phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng được Công ty tài chính TNHH một thành viên MA phê duyệt ngày 16/03/2023 thì giữa khách hàng là bà Nguyễn Thị Thanh E và bên Công ty tài chính TNHH một thành viên MA có ký kết hợp đồng vay vốn tổng số tiền vay là 38.772.000 đồng trong đó khoản vay là 36.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 2.772.000 đồng; thời hạn vay: 24 tháng; lãi suất: 4.83 %/tháng tương đương là 58%/năm với mục đích mua hàng.

Căn cứ Báo cáo thu hồi nợ vay Hợp đồng tín dụng do Công ty tài chính TNHH một thành viên MA cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ bà E đã thanh toán trả góp cho công ty được 04 kỳ với tổng số tiền là 12.922.000 đồng, từ ngày 16/7/2023 bà E không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với công ty. Do bà E vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và phải chịu lãi

trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả theo quy định Hợp đồng tín dụng mà bà E đã ký với Công ty tài chính TNHH một thành viên MA.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét thấy bà Nguyễn Thị Thanh E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Công ty tài chính TNHH một thành viên MA thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho công ty là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Công ty tài chính TNHH một thành viên MA khởi kiện yêu cầu bà E phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 34.796.198 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 27/9/2024) là 28.339.905 đồng (Số tiền lãi trong hạn: 17.844.407 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 9.330.436 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.165.062 đồng) và buộc bà E phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty tài chính TNHH một thành viên MA. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho công ty, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và công ty đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà E sang nợ quá hạn là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên MA về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 27/9/2024) là 28.339.905 (Hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm lẻ năm) đồng và buộc bà E phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty tài chính TNHH một thành viên MA là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên MA được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.156.805 (Ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm linh năm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên MA đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên MA số dư nợ gốc còn lại là 34.796.198 (Ba mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi tám) đồng; Nợ lãi là 28.339.905 (Hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm lẻ năm) đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 17.844.407 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.330.436 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.165.062 đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh E còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.156.805 (Ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm linh năm) đồng.

- Hoàn lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên MA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.196.767 (Một triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy) đồng theo biên lai thu số 0004226 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền